

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/11/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ H
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hồng H**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị C** – Ông **Đoàn Xuân M**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hà M** - Thư ký TAND quận H – Thành phố

H.

Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Minh H** – Kiểm sát viên.

Ngày 06/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 835/ 2017/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2018/QĐXX-ST ngày 19/10/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Vũ Quốc A** – sinh năm: 1973

HKTT: phường V, quận H, thành phố H.

Cư trú tại: phường T, quận H, TP.H.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn: Chị Đào Thị Q** – sinh năm: 1973

HKTT và cư trú: phường V, quận H, thành phố H *(Có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Vũ Quốc A trình bày:

Anh và chị Đào Thị Q kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Thành phố H, tỉnh H, trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu, kết hôn tự nguyện. Sau thời gian dài chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế. Chị Q không hợp tác, chia sẻ với anh về những khó khăn trong cuộc sống mà còn cản trở, anh làm gì cũng phải như van xin chị Q nên cuộc sống ngọt ngào, căng thẳng. Hai bên gia đình đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện, hai bên thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay, mỗi người ở một nơi anh thuê nhà ở tại phường T, quận H, TP.H. Chị Q và các con ở phường V, quận H, thành phố H. Tháng 5/2017 anh nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng chị Q không đến Tòa, gây khó khăn cho việc giải quyết nên anh đã rút đơn về và Tòa án đình chỉ vụ án. Nay anh tiếp tục nộp đơn đến Tòa, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh Quốc A kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Anh trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Xuân T sinh ngày 07/04/2000 và cháu Vũ Thị Quỳnh H sinh ngày 22/05/2007. Cháu T đã đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu ở với ai tùy cháu quyết định. Anh có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu H, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền nuôi con chung. Hiện anh đang làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ viễn thông S với mức lương là 05 (năm) triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung và nhà ở: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: anh chị không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đào Thị Q:

Quá trình giải quyết, chị Q không đến Tòa án làm việc, không có lời khai tại Tòa án nhân dân quận H mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án. Ngày 25/9/2018, chị Q có đơn đề nghị gửi Tòa án, trong đó xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng lỗi do anh Quốc A có quan hệ với phụ nữ khác, sống vô trách nhiệm, bản thân chị do lý do sức khỏe và có lý do riêng nên chị không đến Tòa án giải quyết. Ngày 21/10/2018, chị Q tiếp tục có đơn đề nghị gửi Tòa án có nội dung: chị phải nuôi con một mình, chồng vô trách nhiệm bỏ bê con cái, trai gái, coi

thường vợ thì chị phải là người viết đơn chứ không phải chồng chị. Nếu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Quốc A thì chị có ý kiến như sau:

Về con chung: chị xác nhận có 02 con chung, quan điểm của chị trách nhiệm nuôi dạy con chung là của cả bố và mẹ và cách xử sự của cha mẹ không được ảnh hưởng đến tương lai của con cái.

Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: Chị Q xác nhận vợ chồng đã có thỏa thuận giải quyết về tài sản chung là nhà đất tại phường V, quận H, tp.H có nội dung: ai có người khác thì tự ra ngoài sống và ngôi nhà để lại cho các con.

Gửi kèm theo 02 đơn đề nghị chị Q gửi bản chính đơn của con chung là cháu H phủ nhận lời khai xin được ở với bố và bản photo 01 biên bản thỏa thuận riêng đề ngày 23/8/2018 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 125820 ngày 29/9/2005 và 01 bản photo ảnh chụp anh Quốc A với 01 người phụ nữ.

Tại phiên toà:

Anh Quốc A vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn khởi kiện và các ý kiến bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án. Anh xin được ly hôn với chị Q và xin được nuôi con chung là cháu H. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: Anh Quốc A xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Q trình bày:

Chị xác nhận lời trình bày của anh Quốc A về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn liên quan đến vấn đề tiền nong của gia đình. Về quan điểm sống và cách cư xử cũng như quản lý kinh tế vợ chồng đều không đồng quan điểm nên anh Quốc A dọn ra ngoài ở. Trước đó, chị đã rất nín nhịn để muốn giữ gia đình, giữ bố cho con. Khi anh Quốc A chuyển ra ngoài, một mình chị phải gồng gánh để nuôi 2 con. Trong khi đó anh Quốc A có bạn gái bên ngoài, anh đi chơi cùng bạn nhưng không đưa chị tiền để nuôi con cũng không gọi điện hỏi thăm con. Chị có nhiều bằng chứng nhưng bởi vì chị không muốn con phải xấu hổ, muốn gia đình được đoàn tụ nên chị nhịn nhục không muốn ra Tòa. Nay anh Quốc A kiên quyết xin ly hôn thì chị cũng không thể giữ được nữa nên chị đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị xác nhận anh chị có 02 con chung như anh Quốc A trình bày là đúng. Cháu T đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không có yêu cầu gì. Chị xin được nuôi cháu H, về tiền cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị Tòa án xử theo pháp luật.

Về tài sản chung và nhà ở: Anh chị chỉ có nhà đất tại địa chỉ phường V, quận H, thành phố H. Anh chị đã có bản thỏa thuận để lại tài sản này cho các con, chị yêu cầu anh Quốc A phải tôn trọng và thực hiện theo các thỏa thuận đó. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Anh Quốc A trình bày: Tại phiên tòa hôm nay chị Q mới có mặt và anh chị mới có thể nói chuyện và thỏa thuận với nhau. Chị Q có nguyện vọng nuôi cháu H anh cũng đồng ý và tự nguyện đóng góp 03 (ba) triệu đồng/ tháng để nuôi con. Về tài sản chung và nhà ở: Anh đồng ý với ý kiến chị Q, anh chị đã thỏa thuận để lại cho các con nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nhà ở.

Về công nợ chung: Anh chị đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với mức cấp dưỡng của anh Quốc A, chị Q không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử. Căn cứ nơi cư trú củ bị đơn, Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng. Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện quy định của pháp luật. Về thời hạn xét xử có quá hạn nhưng có yếu tố khách quan vụ án bị kéo dài do bị đơn không hợp tác, không đến Tòa nên các văn bản tố tụng của Tòa án đều phải niêm yết theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, các đương sự có mặt thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Anh Vũ Quốc A và chị Q kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Thành phố H, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp, việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ. Đây là vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ theo điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xét xử. Hồ sơ vụ án đã đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 50, 55, 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Quốc A và chị Q.

Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Xuân T sinh ngày 07/04/2000 và cháu Vũ Thị Quỳnh H sinh ngày 22/05/2007. Cháu T đã đủ tuổi trưởng thành nên không xét. Đề nghị giao con chung là cháu Vũ Thị Quỳnh H cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Quốc A đóng góp tiền nuôi con chung là 03 (ba) triệu đồng/ tháng để nuôi con kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Quốc A được quyền thăm và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: anh chị đều không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét về tài sản chung và công nợ chung.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Chị Đào Thị Q là bị đơn trong vụ án. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo đến Tòa làm việc và các Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập chị Q đến Tòa giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của anh Quốc A, chị Q đã nhận được các văn bản của Tòa án thể hiện bằng việc ký nhận của chị vào biên bản giao nhận hoặc thông qua việc chị gửi đơn đến Tòa án thể hiện quan điểm của mình về

vụ án. Tuy nhiên chị Q vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 09h00 ngày 06/11/2018. Tại phiên tòa chị Q có mặt Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

2.1. Về tình cảm: Anh Vũ Quốc A và chị Đào Thị Q kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Thành phố H, tỉnh H. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ban đầu anh chị chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau, thường xuyên mâu thuẫn nên đã ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay, mỗi người ở một nơi anh Quốc A thuê nhà ở tại phường T, quận H, TP.H, chị Q và các con ở tại phường V, quận H, thành phố H. Tháng 5/2017 anh Quốc A nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng chị Q không đến Tòa, gây khó khăn cho việc giải quyết nên anh đã rút đơn về và Tòa án đình chỉ vụ án. Nay anh Quốc A tiếp tục nộp đơn đến Tòa án, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh kiên quyết xin ly hôn. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, chị Q vắng mặt, không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, nên không tiến hành được việc hòa giải. Tại phiên tòa chị Q có mặt, chị xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế, không thể giải quyết được, anh Quốc A xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được, việc anh chị thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 55 – Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Xuân T sinh ngày 07/04/2000 và cháu Vũ Thị Quỳnh H sinh ngày 22/05/2007. Cháu T đã đủ tuổi trưởng thành và anh chị không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh Quốc A đồng ý để chị Q nuôi con chung. Anh đóng góp 03 (ba) triệu đồng/tháng để nuôi con.

Xét thấy: việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi chính đáng của con. Việc giao con cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng chăm sóc sau khi ly hôn phải đảm

bảo đầy đủ và toàn diện cuộc sống cho con chung về vật chất và tinh thần. Đối với nguyện vọng xin nuôi cháu H của chị Q, anh Quốc A cũng đồng ý, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của anh chị không trái pháp luật nên được chấp nhận. Giao con chung là cháu Vũ Thị Quỳnh H cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: chị Q đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh Quốc A tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung là 03 (ba) triệu đồng/ tháng để nuôi con chung. Xét thấy thu nhập của anh là 05(năm) triệu đồng/tháng nên anh tự nguyện đóng góp 03 (ba) triệu/tháng để nuôi con là phù hợp với điều kiện kinh tế của anh và mức đóng góp này chị Q cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Quốc A đóng góp 03 (ba) triệu đồng/tháng để nuôi con chung kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Quốc A được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: anh chị đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: anh Quốc A và chị Q mỗi người phải chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Quốc A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Quốc A và chị Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 5; Điều 6, Điều 9, khoản 1 khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a,c Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 96; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 246; Điều 266; Điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào điều 55, điều 81, điều 82, điều 83 luật Hôn nhân và gia đình

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Quốc A và chị Đào Thị Q.

2. Về con chung: Xác nhận anh Vũ Quốc A và chị Đào Thị Q có 02 con chung là cháu Vũ Xuân T sinh ngày 07/04/2000 và cháu Vũ Thị Quỳnh H sinh ngày 22/05/2007. Cháu T đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao con chung là cháu Vũ Thị Quỳnh H cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Quốc A có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: anh Quốc A đóng góp 03 (ba) triệu đồng/ tháng để nuôi con chung kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản và nhà ở chung: anh Vũ Quốc A và chị Đào Thị Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: anh Vũ Quốc A và chị Đào Thị Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Vũ Quốc A phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai số: AC/2015/0003253 ngày 07/11/2017 của cơ quan Thi hành án dân sự quận H, Thành phố H. Anh Quốc A còn phải nộp số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Đào Thị Q phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Quốc A, chị Q. Anh chị có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H
 - VKSND quận H;
 - UBND phường H, Thành phố H, tỉnh H.
- (GCNKH số: 46/1998 ngày 15/12/1998).
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ;

Đỗ Thị Hồng H